

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 06/ANDINH/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ An Đình

Địa chỉ: Thôn Hòe Lâm, xã Ngọc Lâm, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0221 222 4901

Fax: 0221 222 4901

E-mail: ceo@andinh.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0900290164

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng.

Số Giấy chứng nhận Hệ thống Quản lý ATTP TCVN ISO 22000:2007 / ISO 22000:2005 số HA174/2.17.CII do Trung tâm chứng nhận Phù hợp (QUACERT) cấp ngày 23/09/2017, cấp lần đầu ngày 27/04/2011.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **GAO TẼ HẠT DÀI**

2. Thành phần: Được chọn lựa từ nguồn nguyên liệu là thóc, gạo lứt các giống gạo hạt dài.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 01 năm kể từ ngày đóng gói

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Đóng gói trong các túi chất liệu PE, PA/PE, OPP/PE đạt tiêu chuẩn QCVN 12-1:2011/BYT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa tổng hợp; các kích cỡ tiêu chuẩn: 0,5kg ; 1kg; 2kg; 2,5kg; 3kg; 4kg; 5kg; 10kg.

- Đóng gói trong các bao bì chất liệu PP đạt tiêu chuẩn QCVN 12-1:2011/BYT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa tổng hợp; các kích cỡ tiêu chuẩn: 9,07kg; 10kg; 15kg; 18,14kg; 20kg; 25kg; 30kg; 40kg; 50kg, 1000kg. Tùy theo yêu cầu của khách hàng có thể có lót hoặc không lót một lớp PE bên trong lớp PP.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ An Đình. Địa chỉ: Thôn Hòe Lâm, xã Ngọc Lâm, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Nội dung ghi nhãn:

Theo đúng quy định như trong nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của chính phủ về Nhãn hàng hóa và thông tư liên bộ 34/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 27 tháng 10

năm 2014 “Hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm bao gói sẵn”.

1. Tên sản phẩm;
2. Thành phần cấu tạo;
3. Định lượng sản phẩm;
4. Ngày sản xuất;
5. Thời hạn sử dụng;
6. Hướng dẫn bảo quản;
7. Hướng dẫn sử dụng;
8. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm; xuất xứ;
9. Số giấy Xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm;
10. Các khuyến cáo, cảnh báo an toàn thực phẩm;
11. Nội dung khác: Thành phần chất lượng chính.

DƯ THẢO NỘI DUNG GHI NHÃN:

GẠO TẼ HẠT DÀI

CÔNG TY TNHH ĐT & PT CÔNG NGHỆ AN ĐÌNH

Địa chỉ sản xuất: **NGỌC LÂM, MỸ HÀO, HƯNG YÊN**

Thành phần: **THÓC TẼ HẠT DÀI**

Chỉ tiêu chất lượng chính (g%):

- | | |
|--------------|----------------|
| - H/l Gluxit | : $\geq 70,00$ |
| - Độ ẩm | : $\leq 14,00$ |
| - Tỷ lệ tấm | : $\leq 5,00$ |
| - Tạp chất | : $\leq 0,10$ |

Khối lượng tịnh: in trên bao bì.

Ngày sản xuất & hạn sử dụng: in trên bao bì.

Hạn sử dụng: 01 năm kể từ khi đóng gói.

Xuất xứ: **CÔNG TY TNHH ĐT & PT CÔNG NGHỆ AN ĐÌNH – Việt Nam**

Hướng dẫn sử dụng bảo quản sản phẩm:

- Để nơi thoáng mát, sạch sẽ, tránh ánh sáng trực tiếp
- Tránh xa các loại hóa chất, nhiệt độ cao.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật số 55/2010/QH12 của Quốc Hội ban hành "Luật an toàn thực phẩm";
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành "Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm";
- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT của Bộ Y tế về "Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm";
- Thông tư 50/2016/TT-BYT của Bộ Y tế về "Quy định Giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm "
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-1:2011/BYT và QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm và kim loại nặng trong thực phẩm.
- Thông tư 27/2012/TT-BYT của Bộ Y tế về việc "hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm"
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP của Chính Phủ quy định về nhãn hàng hóa

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 06 tháng 01 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Nhị



VILAS 595

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 19.08.12.632

1. Tên mẫu/Name of sample : GẠO TÈ HẠT DÀI
2. Tên/địa chỉ khách hàng : Công ty TNHH đầu tư và phát triển công nghệ An Đình
Name/Address of customer Thôn Hòa Lâm, xã Ngọc Lâm, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
3. Mô tả mẫu/Sample description : Gạo tẻ đều hạt, đóng túi.
4. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving sample : 12/08/2019
5. Người lấy/gửi mẫu/ The personnel : Khách hàng tự gửi mẫu/By customer
performing/sending sample(s)
6. Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates of : 12/08/2019 - 14/08/2019
testing activities
7. Kết quả thử nghiệm/Test results :

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit
1	Cảm quan Sensory properties	KNVSATTP 91/BYT	/	Màu sắc tự nhiên, mùi thơm đặc trưng.	TCVN 11889:2017
2	Tỷ lệ thóc/Paddy	TCVN 1643:2008	Hạt/kg	0,0	TCVN 11889:2017 ≤ 2,0
3	Tỷ lệ hạt gãy Broken grains ratio	KNVSATTP 91/BYT	%	3,5	TCCS/GMP
4	Tạp chất/Impurities	TCVN 8368:2010	%	Không phát hiện ($< 0,01$)	TCVN 11889:2017 ≤ 0,05
5	Gluxit/Carbohydrates	KNVSATTP 91/BYT	%	76,5	TCCS/GMP
6	Ẩm/Humidity	TCVN 1643:2008	%	13,6	TCVN 11889:2017 ≤ 14,0
7	Aflatoxin tổng số Total aflatoxin	TCVN 7596:2007	µg/kg	Không phát hiện ($< 1,0$)	QCVN 8-1:2011/BYT ≤ 10,0
8	Aflatoxin B ₁	TCVN 7596:2007	µg/kg	Không phát hiện ($< 0,5$)	QCVN 8-1:2011/BYT ≤ 5,0
9	Cadimi/Cadmium (Cd)	TCVN 7929:2008	mg/kg	Không phát hiện ($< 0,01$)	QCVN 8-2:2011/BYT ≤ 0,4
10	Chì/Lead (Pb)	TCVN 7929:2008	mg/kg	Không phát hiện ($< 0,01$)	QCVN 8-2:2011/BYT ≤ 0,2

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2019/Hanoi, August 14, 2019

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

KT. GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

ThS. Nguyễn Thành Trung

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả/
Claims will not be accepted if there is no sample in storage, or more than 5 days after issuing the test result(s).
6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



VILAS 595

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 19.08.12.632

1. Tên mẫu: GẠO TÈ HẠT DÀI
Name of sample
2. Tên/địa chỉ khách hàng: Công ty TNHH đầu tư và phát triển công nghệ An Đình
Name/Address of customer Thôn Hòe Lâm, xã Ngọc Lâm, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
3. Mô tả mẫu: Trong 02 túi x 500g
Sample description:
4. Ngày nhận mẫu: 12/08/2019
Date of receiving sample
5. Người lấy/gửi mẫu: Khách hàng tự gửi
The personnel performing/sending sample(s) By customer
6. Ngày thực hiện kiểm nghiệm: 12/08/2019 - 16/08/2019
The dates of testing activities
7. Kết quả thử nghiệm:
Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit 46/2007/QĐ-BYT
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí * Total aerobic microorganisms	TCVN 4884-1:2015	CFU/g	$5,9 \times 10^3$	10^6
2	Coliforms *	TCVN 6848:2007	CFU/g	<10	10^3
3	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 7924-2:2008	CFU/g	<10	10^2
4	<i>Staphylococcus aureus</i> *	TCVN 4830-1:2005	CFU/g	<10	10^2
5	<i>Clostridium perfringens</i> *	TCVN 4991:2005	CFU/g	<10	10^2
6	<i>Bacillus cereus</i> già định *	TCVN 4992:2005	CFU/g	<10	10^2
7	Tổng số nấm men và nấm mốc * Total yeasts and moulds	TCVN 8275-2:2010	CFU/g	< 10^2	10^3

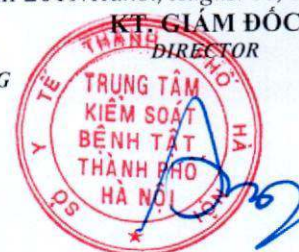
Nhận xét: Mẫu trên **đạt** tiêu chuẩn vệ sinh về phương diện vi sinh vật đối với ngũ cốc và sản phẩm ngũ cốc có xử lý nhiệt trước khi sử dụng (theo quyết định số 46/2007/QĐ-BYT).
This sample **complies** with the standard on not-ready-to-eat cereal and cereal products in term of microbiology (according to 46/2007/QĐ-BYT)

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Nguyễn Thành Đông

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2019/Hanoi, August 16, 2019
KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Kiều Anh

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
2. KPH: Không phát hiện/ Not detected
3. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
5. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả/
Claims will not be accepted if there is no sample in storage, or more than 5 days after issuing the test result(s).
7. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



NPCTC

CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH VÀ KHẢO NGHIỆM THUỐC BVTV PHÍA BẮC
NORTHERN PESTICIDE CONTROL AND TESTING CENTRE - VIETNAM

149 Hồ Đắc Di - Đống Đa - Hà Nội - Việt Nam
 Tel: (84-24) 3.8513590; 3.5333267; 3.5333910; 3.8572037; 3.5330278; 3.8513591
 Fax: (84-24) 3.5330205; E-mail: kdtph.bvtv@mard.gov.vn; Website: http://www.ppd.gov.vn

Số/No: 535/DL19

Hà nội, ngày 21 tháng 8 năm 2019
 Date, month, year

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TEST RESULTS

Tên Khách Hàng/Client: Cty TNHH Đầu tư và Phát triển công nghệ An Đình
Địa Chỉ/Address: Thôn Hòe Lâm, Ngọc Lâm, Mỹ Hào, Hưng Yên.
Điện Thoại/Tel: FAX:
Loại Mẫu/Sample type: Gạo **Khối Lượng/Sample size:** 0,5 kg
Ngày Nhận Mẫu/Reception date: 13/8/2019 **Số Yêu Cầu/Order No:** 535/YC
Phân Tích/Analysis **Bắt Đầu/Start:** 13/8/2019

STT Item	Tên mẫu Sample name	Ký hiệu mẫu Code	Chỉ tiêu kiểm nghiệm Specification	Kết quả Result (mg/kg)	Phương pháp /Test method		
					Mã Hiệu /Code	LOD (mg/kg)	LOQ (mg/kg)
	Gạo tẻ hạt dài		Dinotefuran	0,02	TCCS 245		0,01

Ghi chú/Remarks

- Nd : Không phát hiện /Not detectable
- LOD : Giới hạn phát hiện/Limit of detection
- LOQ : Giới hạn định lượng/Limit of quantification

PHÒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VÀ DƯ LƯỢNG THUỐC BVTV

Pesticide Formulation and Residue Control Division

P.TRƯỞNG PHÒNG/Deputy Head
Nguyễn Thị Thanh Phương**P.GIÁM ĐỐC**

Deputy Director

**Cao Trung Hiếu**



GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm của

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ AN ĐÌNH

Thôn Hòe Lâm, xã Ngọc Lâm, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

TCVN ISO 22000:2007 / ISO 22000:2005

Phạm vi được chứng nhận: Chế biến Gạo

Số Giấy chứng nhận: HA 174/2.17.CII

Hiệu lực Giấy chứng nhận: từ ngày 23/09/2017 đến ngày 22/09/2020

Ngày chứng nhận lần đầu: 27/04/2011



JAS-ANZ



TỔNG CỤC TRƯỞNG
Tổng cục TCDLCL

CHỦ TỊCH
Hội đồng Chứng nhận

GIÁM ĐỐC

Trung tâm Chứng nhận Phù hợp



ThS. Trần Văn Vinh

TS. Phạm Hồng

ThS. Phạm Lê Cường

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0900290164

Đăng ký lần đầu: ngày 11 tháng 09 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 23 tháng 05 năm 2019

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ AN ĐÌNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN DINH TECHNOLOGY DEVELOPMENT
AND INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: AN DINH CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Hoà Lâm, Xã Ngọc Lâm, Thị xã Mỹ Hòa, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0221 2224901

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 18.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Mười tám tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	CÔNG TY TNHH AN ĐÌNH - ĐẠI DIỆN: NGUYỄN THANH NHỊ	Số 39, ngách 34/156, phố Vinh Tuy, Phường Vinh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	10.841.600.000	60,231	0101650276	
2	BÙI VĂN CHIẾN	Tổ 59, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.564.400.000	19,802	012405482	
3	JFC JAPAN INC.	3-11, Nihonbashi Koamicho, Chuo-ku, Tokyo, Nhật Bản	3.000.000.000	16,667	0100-01-117388	
4	NGUYỄN THỊ HIỀN	P.1202, GH5, CT17, Khu đô thị Việt Hưng, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	594.000.000	3,300	013333867	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN THANH NHỊ

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *26/11/1971*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *034071001440*

Ngày cấp: *30/06/2015*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 39, ngách 34/156 phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 39, ngách 34/156 phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG



Doãn Thị Tâm

